

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 192/2024/DS-PT
Ngày 26-4-2024
V/v “Tranh chấp thừa kế tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Mai

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân

Ông Trần Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Quỳnh Anh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thuỷ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 13/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 01 năm 2024, về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 156/2023/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2023, của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 61/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1951; cư trú tại: Số H, đường L, khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thúy A, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp B, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh, (văn bản ủy quyền ngày 08-6-2022) có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim D, Luật sư của Văn phòng luật sư Hằng N, Đoàn luật sư Thành phố H, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1960; cư trú tại: khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Đặng Tấn L, sinh năm 1975; cư trú tại: ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 13-4-2023) có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Văn D1, sinh năm 1973; cư trú tại: khu phố A, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

3.2. Anh Lưu Thành T, sinh năm 1996; cư trú tại: khu phố H, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

3.3. Bà Huỳnh Thị P1, sinh năm 1963;

3.4. Anh Nguyễn Thành H1, sinh năm 1990;

3.5. Chị Lê Thị B, sinh năm 1993;

3.6. Anh Nguyễn Thành H2, sinh năm 1984;

3.7. Chị Nguyễn Thị Thúy L1, sinh năm 1988;

3.8. Chị Lê Thị Thùy D2, sinh năm 1990;

3.9. Anh Nguyễn Thành H3, sinh năm 1986;

3.10. Chị Nguyễn Thị Hồng H4, sinh năm 1988;

3.11. Anh Lê Văn X, sinh năm 1988;

3.12. Bà Đàm Thị T1, sinh năm 1954;

3.13. Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1981;

3.14. Chị Nguyễn Thị Kim T3, sinh năm 1984;

3.15. Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1986;

3.16. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1941;

Cùng cư trú tại: khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

3.17. Bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1954; cư trú tại: Số I, ấp M, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

3.18. Ủy ban nhân dân thị xã T. Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tương Q – chức vụ - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã T.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Trịnh Thị U – Chức vụ Phó phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã T, vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn – bà Nguyễn Thị P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị P trình bày:* Cha mẹ của bà là cụ Nguyễn Văn T6 (chết năm 1989) và cụ Ngô Thị X1 (chết năm 2009) có 05 người con chung gồm: Bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị T5, ông Nguyễn Văn H.

Ông Nguyễn Văn C chết năm 2022, có vợ tên Đàm Thị T1 và 03 người con gồm anh Nguyễn Văn T2, chị Nguyễn Thị Kim T3 và anh Nguyễn Văn T4.

Hai cụ không có con nuôi, không có con riêng, chết không để lại di chúc.

Sinh thời cha mẹ bà được thừa hưởng từ ông bà nội nhiều phần đất, trong đó có phần đất diện tích 20.550 m², gồm các thửa 926, 928, 930, 931, 932, 899, 900, 901, 678, 679, 680, 681, 682, 683, 697, tờ bản đồ số 06; tọa lạc tại khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Cha mẹ bà chưa kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất mà ông H tự ý kê khai đăng ký và đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/12/1995.

Nay bà P yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông H đứng tên đối với phần đất diện tích 20.550 m² vì nguồn gốc đất của cha mẹ để lại

nhưng khi ông H kê khai đăng ký không được mẹ bà và các anh chị em đồng ý. Trong diện tích nêu trên, ông H đã chuyển nhượng cho ông D1, anh T diện tích 3.188,2 m² và hiện ông D1, anh T đang quản lý, sử dụng; diện tích còn lại 16.783 m² gia đình ông H đang sử dụng.

Bà yêu cầu chia di sản thừa kế 20.550 m² đất của cha mẹ bà theo pháp luật thành 5 phần; trong đó diện tích 16.783 m² chia bằng hiện vật; phần diện tích 3.188,2 m² do ông H đã chuyển nhượng cho ông D1, anh T nên chia bằng giá trị.

Về căn nhà ngói xưa trên đất và các tài sản trên đất bà không tranh chấp.

+ Bà P không yêu cầu chia đôi với những tài sản (quyền sử dụng đất) mà ông H đã chuyển nhượng cho ông Thái Thành T7, ông Huỳnh Văn T8.

- *Bị đơn - ông Nguyễn Văn H trình bày:* Về họ tên cha mẹ, năm chết; hàng thừa kế; họ tên anh chị em, cháu như nguyên đơn trình bày ông thống nhất. Cha mẹ ông khi còn sống có tạo lập được một số đất tọa lạc tại khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh nhưng 02 cụ đã chia cho 05 người con mỗi người 02 thửa đất, diện tích bao nhiêu ông không nhớ, sau đó các anh chị em đã sang nhượng cho người khác hết. Ngoài số đất trên thì cha mẹ ông không còn để lại bất cứ tài sản gì.

Phần đất bà P tranh chấp với ông có nguồn gốc là của ông bà, tổ tiên để lại, không có ai sử dụng nên ông sử dụng và kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất với Nhà nước và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1995, thời điểm này cụ X1 còn sống cũng không sử dụng và đồng ý để cho ông đăng ký, anh chị em không ai có ý kiến gì, đến năm 2002 thì ông đăng ký cấp đổi giấy CNQSDĐ một phần đất đồng.

Đối với ý kiến của bà P cho rằng nhà ngói xưa trên đất là của cha mẹ để lại là không đúng, trước đây trên đất có căn nhà cũ của ông bà nội để lại, nhưng đã hư hỏng không còn giá trị sử dụng nên ông tháo bỏ từ lâu. Ông trồng cây trên đất, cha mẹ, ông bà không trồng cây gì. Về yêu cầu khởi kiện của bà P ông không đồng ý vì đất tranh chấp không phải là di sản do cha mẹ để lại. Ngoài ra, về thời hiệu yêu cầu chia thừa kế của cụ T6 cũng đã hết; còn cụ X1 khi còn sống đồng thuận để ông sử dụng, đăng ký, đứng tên đất tranh chấp.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Bà Nguyễn Thị T5, bà Nguyễn Thị S trình bày: Thống nhất như lời trình bày của ông H. Khi cha mẹ các bà còn sống có thừa hưởng của ông bà quyền sử dụng đất tại khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Sau này, mẹ đã phân chia đất cho các con, mỗi người một phần nhưng các anh chị em cũng đã bán lại cho người khác hết. Những phần đất ông H đang quản lý, sử dụng là tài sản của ông H, không phải là di sản của cha mẹ để lại, nếu chia các bà giao phần được chia cho ông H sử dụng.

+ Bà Đàm Thị T1, anh Nguyễn Văn T2, anh Nguyễn Văn T4, chị Nguyễn Thị Kim T3 trình bày: Bà/anh/chị là vợ và con của ông Nguyễn Văn C. Bà/anh/chị thống nhất với lời trình bày của bà P và có nguyện vọng nhường phần di sản của bà/anh/chị được hưởng cho bà P.

+ Bà Huỳnh Thị P1 là vợ ông H trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông bà của ông H để lại nhưng không ai sử dụng nên ông H khai phá

và kê khai đăng ký; vợ chồng bà đã xây dựng nhà ở trên đất và cho các con xây dựng nhà ở liền kề. Nay bà không chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của bà P, bà đề nghị giữ nguyên hiện trạng tài sản tranh chấp.

+ Anh Nguyễn Thành H2, anh Nguyễn Thành H3, chị Nguyễn Thị Thúy L1, chị Lê Thị Thùy D2, chị Nguyễn Thị Hồng H4, anh Lê Văn X, anh Nguyễn Thành H1, chị Lê Thị B trình bày: Anh/chị là con của ông H. Quyền sử dụng đất tranh chấp là của ông Nguyễn Văn H, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P.

+ Ông Trần Văn D1 trình bày: Vào năm 2020, ông và anh Lưu Thành T (cháu họ của ông) có cùng nhận chuyển nhượng 83 m ngang đất của ông H với giá 8.300.000.000 đồng. Hai bên đã thực hiện xong hợp đồng. Sau đó, ông tách thành 05 thửa đất, ông đứng tên 03 thửa, anh T đứng tên 02 thửa. Ông đã tiến hành đổ đất, san lấp mặt bằng và chuyển mục đích sử dụng thành đất ở diện tích 320 m², chi phí hết 01 tỷ đồng. Ông xác định đã nhận chuyển nhượng của ông H theo đúng quy định pháp luật nên ông không có ý kiến hay yêu cầu gì cả.

+ Anh Lưu Thành T: thống nhất với lời trình bày của ông D1.

+ Ủy ban nhân dân thị xã T trình bày: Việc Ủy ban nhân dân huyện T (nay là thị xã T) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01508 QSDĐ/I₃ ngày 13/12/1995 diện tích 20.550 m², tờ bản đồ số 6, số thửa 926, 928, 930, 931, 932, 899, 900, 901, 678, 679, 680, 681, 682, 683, 697, tọa lạc tại khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh là đúng quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân thị xã T không chấp nhận hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01508 QSDĐ/I₃ ngày 13/12/1995 cấp cho ông Nguyễn Văn H.

Theo biên bản định giá ngày 31/8/2023 thể hiện: Phần diện tích đất 16.783 m² (400 m² đất ONT, 16.383 m² đất LNK) thuộc thửa 08, tờ bản đồ số 42 có giá 20.123.684.578 đồng. Phần diện tích đất 3.188,2 m² thuộc các thửa 255, 252, 254, 253, 256 tờ bản đồ số 36 có giá 5.445.923.830 đồng. Tổng giá trị tài sản tranh chấp là 25.569.608.408 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 156/2023/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị P đối với ông Nguyễn Văn H về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01508 QSDĐ/I₃ ngày 13/12/1995 cấp cho ông Nguyễn Văn H.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P “Tranh chấp về thừa kế tài sản” đối với ông Nguyễn Văn H; đối với:

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 16.783 m², thửa số 8, tờ bản đồ 42 (Bản đồ 2000). Tương ứng với diện tích 16.781,7 m², thửa số 4, tờ bản đồ 37 (Bản đồ 2005), đất tọa lạc tại khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

+ Quyền sử dụng đất có diện tích 3.188,2 m², gồm các thửa 252, 253, 254, 255, 256, tờ bản đồ 36 (Bản đồ 2005), tọa lạc tại khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

3. Ghi nhận các đương sự không tranh chấp tài sản gắn liền với đất.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo.

Ngày 15/11/2023, nguyên đơn - bà P kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Trong phần tranh luận:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cụ thể:

+ Vụ án có yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Toà án cấp huyện giải quyết là không đúng với quy định tại khoản 4 Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Người đại diện theo uỷ quyền của Chủ tịch UBND huyện G phải là cấp phó nhưng tham gia tố tụng là không đúng quy định tại Điều 60 Luật tố tụng hành chính;

Về nội dung:

+ Hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho ông H chưa được thu thập trong hồ sơ là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ;

+ Cấp sơ thẩm nhận định cụ T6, cụ X1 không có tài sản trên đất là không có căn cứ:

+ Ông H không đưa ra được chứng cứ chứng minh được ông bà tặng cho hoặc di chúc để lại tài sản;

+ Trên đất có căn nhà ngói xưa của ông bà để lại, do nhà còn mới nên cụ X1, cụ T6 không xây dựng gì thêm, hai cụ sinh sống đến khi chết.

+ Lời khai của ông H và người làm chứng có mâu thuẫn: Những người làm chứng trình bày trên đất có căn nhà ngói xưa của cụ ông bà để lại nhưng ông H đã tháo dỡ để bán và xây dựng lại nhà khác. Còn ông H thì trình bày cha mẹ không để lại tài sản, ông H tự khai phá đất, không có tài sản gì trên đất. Đề nghị Hội đồng xét xử huỷ án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Yêu cầu Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm, trường hợp không huỷ án thì yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày: Cấp sơ thẩm đã xét xử đúng quy định, đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm

Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng có người đại diện hợp pháp, các đương sự khác yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thời hiệu khởi kiện, hàng thừa kế: Về thời điểm mở thừa kế; thời hiệu khởi kiện; hàng thừa kế, người chết không để lại di chúc các đương sự trình bày thống nhất. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hiệu chia thừa kế của cụ T6 đã hết, thời hiệu chia thừa kế của cụ X1 vẫn còn và hàng thừa kế thứ nhất của cụ T6, cụ X1 có 05 người là đúng.

[2.2] Về xác định di sản: Đất tranh chấp gồm 02 phần:

- Phần thứ nhất có diện tích 16.783 m², thuộc thửa số 8, tờ bản đồ 42 (Bản đồ 2000). Theo bản đồ 2005 thì đất có diện tích 16.781,7 m², thuộc thửa số 4, tờ bản đồ 37, do ông Nguyễn Văn H được cấp giấy CNQSDĐ ngày 13/12/1995, đổi lại giấy theo mẫu mới ngày 05/6/2002; phần đất này có giá 20.123.684.578 đồng.

- Phần thứ hai có diện tích 3.188,2 m², gồm các thửa 252, 253, 254, 255, 256, tờ bản đồ 36 (Bản đồ 2005). Đất tọa lạc tại khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Trong đó, các thửa 252, 253 do anh Lưu Thành T đứng tên, các thửa 254, 255, 256 do ông Trần Văn D1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phần diện tích này có giá 5.445.923.830 đồng. Ông D1, anh T nhận chuyển nhượng của ông H vào năm 2017.

Các bên đương sự đều trình bày nguồn gốc đất tranh chấp là của ông bà nội của nguyên đơn và bị đơn khai phá. Tuy nhiên, sau khi ông bà của các đương sự chết thì ông H quản lý và canh tác trồng cao su từ trước năm 1995 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995. Nguyên đơn cũng thừa nhận tài sản trên đất trước đây là của ông bà, không phải của cha mẹ để lại. Hơn nữa, quá trình ông H sử dụng đất đã thực hiện việc kê khai đăng ký, thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất với Nhà nước, xây dựng nhà mới và cho con cất nhà ở đã qua nhiều năm, cụ X1 và các anh chị em của ông H, bà P biết nhưng không có ý kiến gì. Như vậy, phần đất nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế không phải là tài sản do cha mẹ ông H, bà P khai phá để lại, không phải là di sản của cụ X1, cụ T6.

[3] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, thu thập

tài liệu chứng cứ không đầy đủ, xét thấy: Vụ án đã được xét xử lần thứ nhất vào năm 2020, sau đó nguyên đơn rút đơn khởi kiện, hồ sơ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ đã thu thập đầy đủ trong hồ sơ này, nhưng cấp sơ thẩm không thu thập lại là có thiếu sót, tuy nhiên, các đương sự đều khai thống nhất về nguồn gốc đất ông H kê khai đăng ký trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSDĐ nên việc cấp sơ thẩm không thu thập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; UBND huyện T xác định việc cấp giấy CNQSDĐ cho nguyên đơn vào năm 1995 và cấp đổi vào năm 2002 là đúng trình tự và đối tượng sử dụng đất, do đó, không có căn cứ huỷ giấy CNQSDĐ của ông H nên Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xét xử vụ án là đúng thẩm quyền; trong vụ án dân sự, Ủy ban nhân dân không phải là bị đơn nên không áp dụng quy định tại Điều 60 của Luật Tổ tụng hành chính để xem xét tư cách người đại diện tham gia tố tụng. Do đó, lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn không có căn cứ.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà P là người cao tuổi và có đơn yêu cầu được miễn nên miễn án phí cho bà P.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[7] Các phần khác của bản án không kháng cáo, không kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày kết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị P; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Áp dụng các điều 609, 612 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Nguyễn Thị P đối với ông Nguyễn Văn H về việc huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01508 QSDĐ/I₃ ngày 13/12/1995 cấp cho ông Nguyễn Văn H.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P tranh chấp về thừa kế tài sản đối với ông Nguyễn Văn H, về:

+ Phần đất có diện tích 16.783 m², thửa số 8, tờ bản đồ 42 (Bản đồ 2000). Tương ứng với diện tích 16.781,7m², thửa số 4, tờ bản đồ 37 (Bản đồ 2005), đất tọa lạc tại khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

+ Phần đất có diện tích 3.188,2 m², gồm các thửa 252, 253, 254, 255, 256, tờ bản đồ 36 (Bản đồ 2005), tọa lạc tại khu phố L, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

3. Ghi nhận các đương sự không tranh chấp tài sản gắn liền với đất.

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị P phải chịu 6.000.000 (Sáu triệu) đồng. Ghi nhận bà P đã nộp đủ.

5. Án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm: Miễn án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm cho bà P.

Các phần khác của bản án không kháng cáo, không kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày kết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND TX Trảng Bàng;
- CCTHADS TX Trảng Bàng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án; Tòa Dân sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hồng Mai